

Bản án số: 89/2019/HS-ST
Ngày: 30/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Phương Nga và Bà Đinh Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2019/TLST-HS ngày 11/9/2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HS ngày 16/9/2019 đối với bị các bị cáo:

1. Bị cáo: **Trần Văn C**, sinh năm 1977 tại phường M, thành phố Y. Nơi cư trú: thôn X, phường S, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Văn B sinh năm 1952 và con bà: Đỗ Thị N, sinh năm 1954; Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1977 và có 03 con, con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Ngày 20/9/2005 bị TAND thành phố Y xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: Đánh bạc.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2019 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

2. Bị cáo: **Trịnh Đức K**, sinh năm 1981 tại phường H, thành phố Y. Nơi cư trú: thôn P, phường H, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trịnh Văn H, sinh năm 1950 và bà: Trần Thị L, sinh năm 1954; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1980 và có 01 con, sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Ngày 10/8/2011 bị áp dụng biện pháp chữa bệnh (cai nghiện) bắt buộc, thời hạn là 01 năm.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2019 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị L, sinh năm 1977; trú tại: Đội 12, thôn X, phường S, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1977; Chị Lê Thị L, sinh năm 1977; Anh Lê Xuân H, sinh năm 1975; Anh Tạ Văn Ch, sinh năm 1973; Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1951; Ông Đào Quang L, sinh năm 1954;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 28/5/2019, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hưng Yên kiểm tra hành chính 02 nam thanh niên, có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực bãi đất trống cạnh tường rào của trụ sở Quỹ tín dụng xã Bảo Khê, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên. Người thứ nhất có tên là: Lê Xuân H, SN 1975, HKTT: đội 3, thôn P, phường H, TP. Hưng Yên, thu giữ tại túi quần bên trái H đang mặc 01 gói nilon bên trong có gói giấy bạc chứa chất màu trắng đục dạng bột (niêm phong ghi số I). Người thứ 2 có tên là: Tạ Văn Ch, SN 1973, HKTT: thôn B, xã T, huyện Văn Giang, thu giữ tại túi quần bên trái Ch đang mặc 01 gói nilon bên trong có gói giấy bạc chứa chất màu trắng đục dạng bột (niêm phong ghi số II) ngoài ra còn thu giữ một số đồ vật khác. H và Ch đều khai nhận các gói giấy bạc Cơ quan CSĐT vừa thu giữ là ma túy loại Heroine, mua của Trần Văn C, sinh năm 1977, ở đội 12, thôn X, phường S, TP. Hưng Yên.

Ngày 29/5/2019 Cơ quan CSĐT tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn C tại đội 12, thôn X, phường S, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên thu giữ: Tại ngăn tủ kệ tivi trong phòng ngủ giáp nhà bếp 01 lọ nhựa trong suốt, nhãn dán màu vàng cam có chữ “B-COMPLEX” bên trong có tổng số 100 gói giấy bạc và vỏ gói thuốc lá Thăng Long màu vàng, các gói này đều chứa chất màu trắng đục dạng bột; 01 lọ nhựa màu trắng nhãn dán màu xanh có chữ “Kim tiền thảo” bên trong có 10 gói giấy bạc trong các gói đều chứa chất màu trắng đục dạng bột (niêm phong ghi số III). Thu trong ngăn bàn kê tại phòng khách 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen; 05 mảnh giấy bạc; 10 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 lưỡi dao lam. Thu dưới thảm trải ghế kê trong phòng khách số tiền 290.000 đồng; tạm quản lý 01xe mô tô kiểu xe Wave màu xanh, BKS: 89H3-8500.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Văn C và Trịnh Đức K. Kiểm tra người C không phát hiện thu giữ gì. Thu giữ tại túi quần trước Kiên đang mặc 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen trắng.

Bản kết luận số 327/PC09 ngày 01/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận:

- Chất màu trắng có dạng cục và bột trong niêm phong ghi số I, có khối lượng 0,002gam là ma túy loại Heroine.

- Chất màu trắng có dạng cục và bột trong niêm phong ghi số II, có khối lượng 0,007gam là ma túy loại Heroine.

- Chất màu trắng có dạng cục và bột trong niêm phong ghi số III, có tổng khối lượng 5,560gam là ma túy loại Heroine.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 18h ngày 28/5/2019 Lê Xuân H dùng điện thoại có số thuê bao 0346535044 gọi cho Trần Văn C có số thuê bao 0389692687 nói “Bán cho hai gói hai trăm vì có hai anh em” (C hiểu là bán cho hai gói ma túy 200.000đồng/1gói), C đồng ý và hẹn ra đường Văn Miếu, phường Hiến Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (phía sau Bảo tàng tỉnh Hưng Yên) để đưa ma túy. Sau đó, C đưa cho Trịnh Đức K 02 gói Heroine bảo đem ra sau Bảo tàng tỉnh Hưng Yên bán cho H; Kiên đồng ý rồi lấy xe mô tô kiểu xe Wave, màu xanh BKS 89H3-8500 của C đi đến nơi hẹn. Khi đến nơi, Kiên đưa cho H 02 gói Heroine, H cầm và đưa lại cho Ch (đi cùng H) 01 gói, sau đó H, Ch mỗi người đưa cho Kiên 200.000 đồng tiền mua ma túy. Kiên cầm tiền, kiểm tra đủ và mang về đưa cho C 400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy H và Ch đã sử dụng một phần, số còn lại cất vào túi quần thì bị Cơ quan CSĐT kiểm tra thu giữ.

Về nguồn gốc ma túy, C khai mua của một người đàn ông ở khu vực cây đa năm chân thuộc địa phận xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên với giá 2.500.000đồng. C mang heroine về nhà chia thành 117 gói, đưa cho Kiên đi bán 02 gói, C và Kiên đã sử dụng hết 05 gói, còn 110 gói cất ở nhà để bán và sử dụng dần nhưng chưa kịp bán thì bị bắt. Đối với người đàn ông bán ma túy cho C, quá trình điều tra C khai không biết rõ tên, tuổi địa chỉ cụ thể người này ở đâu; do vậy không đủ thông tin để xác minh, xử lý.

Cáo trạng số 95/CT-VKS-P1 ngày 10/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Trần Văn C và Trịnh Đức K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với Tạ Văn Ch và Lê Xuân H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng khối lượng ma túy tại thời điểm bị kiểm tra không đủ để khởi tố, Công an tỉnh Hưng Yên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xử lý đồ vật, tài liệu, tài sản thu giữ theo quy định.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn C. Xử phạt bị cáo C từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung 10 đến 20 triệu đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Đức K. Xử phạt bị cáo Kiên từ 07 đến 08 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Kiên.

Về biện pháp tư pháp: VKS đề nghị tịch thu cho tiêu hủy số ma túy hoàn trả sau giám định. Tịch thu, sung quỹ nhà nước 290.000đ của bị cáo C và truy thu 110.000đ của bị cáo C do phạm tội mà có. Tịch thu, sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và chiếc xe mô tô Wave màu xanh, BKS 89H3- 8500 của bị cáo C. Trả lại bị cáo Kiên chiếc điện thoại di động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra- Công an tỉnh Hưng Yên và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo khai báo tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của Lê Xuân H và Tạ Văn Ch là người mua ma túy của các bị cáo và các vật chứng đã thu giữ. Đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 28/5/2019 Trần Đức C đưa cho Trịnh Đức K 02 gói ma túy, loại Heroin đi bán trái phép cho Lê Xuân H và Tạ Văn Ch tại khu vực đường Văn Miếu, phường Hiến Nam, thành phố Y. H và Ch đem số ma túy trên đến khu vực tường bao Quỹ tín dụng nhân dân xã Bảo Khê, thành phố Y sử dụng thì bị bắt quả tang. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn C thu giữ 5,560gam Heroin, C khai để bán và sử dụng.

Hành vi nêu trên của Trần Văn C và Trịnh Đức K đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trong đó, C là người chủ mưu, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Kiên đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho C bán trái phép chất ma túy. Ngày 28/5/2019 Trần Văn C và Trịnh Đức K có hành vi bán trái phép chất ma túy cho 2 người là Hiền và Ch nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt là phạm tội “Đôi với 2 người trở lên” theo điểm c khoản 2 Điều 251 của BLHS. Đồng thời, số lượng Heroin thu tại nhà của Trần Văn C là 5,560gam nên C phải chịu thêm tình tiết định khung hình phạt theo điểm i khoản 2 Điều 251 của BLHS (Heroin có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Trần Văn C phạm tội theo điểm c, i khoản 2 Điều 251 BLHS; bị cáo Trịnh Đức K phạm tội theo điểm c khoản 2 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đôi với Lê Xuân H và Tạ Văn Ch có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng khối lượng đều dưới 0,1 gam nên chưa cấu thành tội phạm. Cơ quan điều

tra Công an tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H và Ch là đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của nhà nước đối với các chất ma túy và chất gây nghiện. Tội phạm ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác, gây mất trật tự trị an; đồng thời, tội phạm ma túy còn là nguồn cơn reo rắc sự khổ đau, bất hạnh cho gia đình và xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ý thức rõ tác hại do ma túy và tội phạm ma túy gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả mà các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo thành khẩn nhận tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân: bị cáo C ngày 20/9/2005 bị TAND thành phố Y xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; bị cáo Kiên năm 2011 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc.

[5] Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, với mức án như Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Văn C phạm tội với động cơ, mục đích vụ lợi, thu lợi bất chính nên buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Bị cáo Kiên đồng phạm giúp sức cho bị cáo C, không được hưởng số tiền thu lợi do phạm tội mà có nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Kiên.

[7] Biện pháp tư pháp:

+ Số ma túy hoàn trả sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 327/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hưng Yên là vật cấm lưu hành nên sẽ tịch thu cho tiêu hủy.

+ 07 mảnh giấy bạc, 10 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 lưỡi dao lam là vật chứng của vụ án nhưng không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho hủy.

+ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen thu của Trần Văn C và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen trắng thu của Trịnh Đức K các bị cáo sử dụng để liên lạc bán ma túy nên tịch thu, bán đấu giá nộp vào ngân sách nhà nước.

+ 01 xe mô tô kiểu xe Wave màu xanh, BKS 89H3- 8500 là tài sản chung của vợ chồng C, nhưng các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi bán ma túy, nên sẽ tịch thu, bán đấu giá sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho vợ bị cáo C là chị Lê Thị Luyến $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe.

+ Số tiền 290.000đ thu giữ tại nhà bị cáo C do bán ma túy mà có nên sẽ tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Truy thu 110.000đ của bị cáo C từ việc bán ma túy trái phép cho Lê Văn Chiến và Tạ Văn Ch ngày 28/5/2019.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C và bị cáo Trịnh Đức K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm c, i khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn C **08** năm **06** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/5/2019. Phạt bổ sung Trần Văn C 10.000.000đ nộp vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Đức K **07** năm **06** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/5/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Kiên.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu, tiêu hủy số ma túy hoàn trả sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 327/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hưng Yên.

3.2. Tịch thu, tiêu hủy: 07 mảnh giấy bạc, 10 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 lưỡi dao lam.

3.3. Tịch thu, bán đấu giá, nộp ngân sách nhà nước: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen thu của Trần Văn C và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen trắng thu của Trịnh Đức K.

3.4. Bán đấu giá 01 xe mô tô kiểu xe Wave màu xanh, BKS 89H3- 8500 để tịch thu ½ giá trị chiếc xe nộp vào ngân sách nhà nước và trả lại ½ giá trị chiếc xe cho chị Lê Thị Luyến (Vợ bị cáo C).

3.5. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 290.000đ thu của Trần Đức C do phạm tội mà có, đang quản lý trong tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

3.6. Buộc Trần Văn C nộp lại 110.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

(Tình trạng, đặc điểm chi tiết các vật chứng nêu trên được thể hiện theo Quyết định chuyển vật chứng số 35/QĐ-VKS-P1 ngày 10/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn C và bị cáo Trịnh Đức K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cq CSĐT- CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hưng Yên (PC53);
- Bị cáo (qua trại);
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Trại tạm giam- CA tỉnh Hưng Yên
- Lưu VP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Huy